

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2021

Tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, nhiều địa phương nới lỏng giãn cách giúp lưu thông, vận chuyển hàng hóa thuận lợi, nhu cầu tích trữ hàng tiêu dùng của người dân giảm, đồng thời nguồn cung hàng hóa được đảm bảo khiến giá lương thực, thực phẩm trong tháng giảm; nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt giảm khi thời tiết sang thu và giá thuê nhà tiếp tục xuống thấp nhằm hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong đại dịch là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2021 giảm 0,2% so với tháng trước, tăng 1,67% so với tháng 12/2020.

Tính chung 10 tháng năm 2021, CPI tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016¹. Lạm phát cơ bản 10 tháng tăng 0,84%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 10/2021

So với tháng trước, CPI tháng 10/2021 giảm 0,2% (khu vực thành thị giảm 0,2%; khu vực nông thôn giảm 0,21%). Tháng Mười, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 3 nhóm giảm giá so với tháng trước, 8 nhóm tăng giá.

Trong 3 nhóm hàng giảm giá:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,28% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,43 điểm phần trăm) do nguồn cung dồi dào khiến giá gạo và giá thịt lợn lần lượt giảm 0,25% và 9,38%.

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 10/2021 giảm 0,26% (làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm), chủ yếu do giá tiền thuê nhà giảm để hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19; cùng với đó, giá điện sinh hoạt, nước sinh hoạt giảm do thời tiết sang thu nên nhu cầu sử dụng giảm so với tháng trước.

Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,04%, tập trung giảm ở giá điện thoại di động và phụ kiện điện thoại di động đối với các mẫu hàng cũ.

Trong 8 nhóm hàng tăng giá:

Nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 2,51% (làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh tăng

¹ Tốc độ tăng CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,27%; tăng 3,71%; tăng 3,6%; tăng 2,48%; tăng 3,71%; tăng 1,81%.

giá xăng, dầu vào ngày 25/9/2021, 11/10/2021 và 26/10/2021, trong đó giá xăng A95 tăng 2.940 đồng/lít, giá xăng E5 tăng 2.970 đồng/lít, giá dầu diezen tăng 2.690 đồng/lít.

Nhóm giáo dục tháng Mười tăng 0,25% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm)², trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,22% do một số địa phương tăng học phí mầm non, học phí đại học mặc dù có một số địa phương đã thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2021-2022.

Nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2021 tăng 0,19% so với tháng trước do nước giải khát có ga, rượu, bia và thuốc lá tăng khi chi phí vận chuyển tăng.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,13% so với tháng trước do nhóm vải các loại tăng 0,48% và giày dép tăng 0,07%.

Các nhóm hàng có mức giá tháng Mười tăng không đáng kể so với tháng trước: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06% so với tháng trước; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,04%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%, trong đó giá thuốc các loại tăng 0,09%.

Ngoài ra, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12% do dịch vụ cắt tóc, gội đầu và vật dụng tang lễ, thờ cúng tăng.

Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10/2021 so với tháng trước của một số nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-1,28%)

1.1. Lương thực (-0,17%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2021 giảm 0,17% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,25% (khu vực thành thị giảm 0,28%; khu vực nông thôn giảm 0,23%). Giá gạo giảm do các địa phương đã thu hoạch xong vụ lúa hè thu nên nguồn cung dồi dào³. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 được kiểm soát tốt, người dân không còn tâm lý tích trữ gạo khiến giá gạo giảm so với tháng trước.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 11.400-11.800 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 17.300-18.500 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 17.700-19.400 đồng/kg; giá gạo nếp từ 24.300-34.200 đồng/kg.

Đồng thời, chỉ số giá nhóm bột mỳ và ngũ cốc khác cũng giảm 0,48% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng giảm.

1.2. Thực phẩm (-2,05%)

Giá thực phẩm tháng 10/2021 giảm 2,05% so với tháng trước do nguồn cung được bảo đảm, người dân không còn tâm lý mua gom tích trữ, cụ thể giá giảm ở một số mặt hàng sau:

² Tốc độ tăng/giảm chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 10/2021 so với tháng trước của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội tăng 0,51%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 0,17%; Hậu Giang tăng 3,03%; Đồng Nai tăng 2,46%; Huế tăng 0,98%; Hưng Yên tăng 0,21%; Bắc Ninh giảm 4,95%; Lâm Đồng giảm 9,96%; Sóc Trăng giảm 10,64%; Cà Mau giảm 11,09%.

³ Năng suất lúa hè thu năm 2021 ước tính đạt 56,5 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng đạt 11,04 triệu tấn, tăng 282,8 nghìn tấn.

- Giá thịt lợn giảm 9,38% so với tháng trước, làm CPI chung giảm 0,32 điểm phần trăm. Trong tháng Mười, dù các biện pháp giãn cách xã hội đã tạm dừng, nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng hơn so với tháng trước nhưng giá bán vẫn tiếp tục giảm sâu do lượng cung tồn đọng nhiều từ những tháng trước khiến người chăn nuôi muốn bán nhanh để cắt lỗ. Theo đó, giá thịt quay, giò, chả tháng Mười giảm 3,17% so với tháng trước; mỡ động vật giảm 7,86%.

- Giá thịt gia cầm tươi sống giảm 0,94% so với tháng trước, trong đó giá thịt gà giảm 0,96%.

- Giá trứng các loại giảm 4,31% so với tháng trước do nhu cầu tích trữ của hộ gia đình giảm.

- Giá thủy sản tươi sống giảm 1,03% do ảnh hưởng Covid-19 làm cho sản lượng xuất khẩu thủy sản giảm, dẫn đến nguồn cung trong nước dồi dào. Mặt khác, dịch Covid-19 kéo dài làm cho số khách tham quan du lịch giảm, lượng hàng thủy sản tiêu thụ trong các nhà hàng, quán ăn giảm theo, trong đó giá tôm tươi ướp lạnh giảm 1,26%; cá tươi hoặc ướp lạnh giảm 1,01%; thủy hải sản tươi sống khác giảm 0,67%.

- Giá quả tươi và chế biến tháng 10/2021 giảm 0,5% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào, trong đó giá quả có múi giảm 3,76%; giá táo giảm 0,81%; giá chuối giảm 0,21%.

Bên cạnh các mặt hàng giảm giá, nhóm các mặt hàng tăng giá như sau:

- Giá đồ gia vị tăng 0,21% so với tháng trước; bơ, sữa phô mai tăng 0,16%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,08%; chè, cà phê, cacao tăng 0,12%.

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,44% so với tháng trước, trong đó giá su hào tăng 3,99%; rau muống tăng 5,22%; rau tươi khác tăng 2,43%; rau chế biến các loại tăng 1,92%. Giá rau tăng chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài làm cho thu hoạch rau gặp khó khăn, nhiều loại cây bị chết, hồng dẫn đến tình trạng khan hàng.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,18%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2021 tăng 0,18% so với tháng trước, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 0,18%; uống ngoài gia đình tăng 0,05%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,24% do giãn cách xã hội được nới lỏng ở nhiều địa phương, nhu cầu ăn uống tại nhà hàng, quán ăn tăng.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, trong đó giá thuốc lá tăng 0,38%; giá rượu các loại tăng 0,14%; giá bia các loại tăng 0,15% do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng trở lại sau thời gian giãn cách xã hội và do chi phí vận chuyển tăng.

3. Nhà ở và vật liệu xây dựng (-0,26%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 10/2021 giảm 0,26% so với tháng trước. Diễn biến giá một số mặt hàng trong nhóm như sau:

- Tiền thuê nhà giảm 4,67% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm) chủ yếu do nhiều hộ gia đình giảm giá để chia sẻ khó khăn với người dân, đồng thời khuyến khích cho thuê lâu dài trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

- Giá điện sinh hoạt giảm 0,99% so với tháng trước⁴ (làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm), nước sinh hoạt giảm 2,46% do thời tiết chuyển sang thu nên nhu cầu tiêu dùng của người dân giảm.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng tăng giá như sau:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,12% so với tháng trước do giá mặt hàng thép tăng và nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng nhà ở vào dịp cuối năm tăng.

- Giá gas tăng 9,83% so với tháng trước do từ ngày 01/10/2021, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 42.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 132,5 USD/tấn (từ mức 665 USD/tấn lên mức 797,5 USD/tấn).

- Giá dầu hỏa tăng 9,05% so với tháng 9/2021 do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giá tăng vào ngày 25/9/2021, 11/10/2021 và 26/10/2021.

4. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,06%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10/2021 tăng 0,06% so với tháng trước. Tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng trở lại. Các thiết bị phục vụ học tập như máy in, máy chiếu có chỉ số giá tăng 0,37% so với tháng trước; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,35%. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng đồ dùng gia đình tăng cao làm cho giá bàn là điện tăng 0,7%; máy hút bụi tăng 0,22%; giá bếp gas tăng 0,08%.

Ngoài ra, giá các loại vật phẩm tiêu dùng gia đình cũng tăng như giá xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,18% so với tháng trước; đồ dùng bằng kim loại tăng 0,12%; giá máy đánh trứng tăng 0,89%; giá đèn điện thấp sáng tăng 0,14%.

5. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,02%)

Chỉ số giá thuốc và dịch vụ y tế tháng Mười tăng 0,02% so với tháng trước. Do thời tiết giao mùa nhiệt độ thay đổi, nóng lạnh, nắng mưa thất thường, không khí lúc ẩm, lúc hanh khô khiến các loại virus gây bệnh sinh sôi mạnh, các bệnh về hô hấp dễ xảy ra nên nhu cầu các mặt hàng thuốc, dụng cụ y tế tăng, trong đó giá thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,44%; thuốc chống dị ứng tăng 0,11%; dụng cụ y tế tăng 0,08%.

⁴ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 10/2021 được tính dựa trên doanh thu và sản lượng điện tiêu dùng từ ngày 01-30/9/2021, do đó phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác.

6. Giao thông (+2,51%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2021 tăng 2,51% so với tháng trước, làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, cụ thể giá xăng tăng 6,72%; dầu diezen tăng 8,72% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá vào ngày 25/9/2021, 11/10/2021 và 26/10/2021, trong đó giá xăng A95 tăng 2.940 đồng/lít, xăng E5 tăng 2.970 đồng/lít, dầu diezen tăng 2.690 đồng/lít.

Bên cạnh đó, dịch vụ giao thông công cộng tháng Mười tăng 0,08% so với tháng trước do giá xăng, dầu tăng.

7. Giáo dục (+0,25%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 10/2021 tăng 0,25% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,22% do một số địa phương tăng học phí mầm non, học phí đại học mặc dù có một số địa phương đã thực hiện miễn, giảm học phí năm học 2021-2022.

Ở chiều ngược lại, do nhu cầu mua sắm sách vở và các dụng cụ học tập tăng, giá sách giáo khoa tăng 0,83% so với tháng trước; giá bút viết các loại tăng 0,22%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,15%.

8. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,04%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10/2021 tăng 0,04% so với tháng trước, chủ yếu do giá ti vi màu tăng 0,24% khi giá nguyên liệu đầu vào tăng; dụng cụ thể dục, thể thao tăng 0,04%.

9. Chỉ số giá vàng (-0,21%)

Giá vàng trong nước giảm theo giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/10/2021, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.774,48 USD/ounce, giảm 0,45% so với tháng 9/2021. Giá vàng thế giới giảm do đồng đô la Mỹ, lợi suất trái phiếu Mỹ phục hồi và doanh số bán lẻ tháng Chín của Mỹ tăng.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 10/2021 giảm 0,21% so với tháng trước; giảm 1,85% so với tháng 12/2020 và giảm 1,82% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 10 tháng năm 2021 tăng 10,39%.

10. Chỉ số giá đô la Mỹ (-0,06%)

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tăng sau khi Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ phát biểu giữ nguyên chính sách tiền tệ để hỗ trợ kinh tế trong thời gian tới. Tính đến ngày 27/10/2021, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 93,97 điểm, tăng 1,1 điểm so với tháng trước.

Trong nước, lượng dự trữ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bảo đảm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nhập khẩu, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 22.914 VND/USD. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhu cầu mua bán ngoại tệ hạn chế, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2021 giảm 0,06% so với tháng trước; giảm 1,2% so với tháng 12/2020 và giảm 1,48% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 10 tháng năm 2021 giảm 0,94%.

Tốc độ tăng CPI tháng Mười từ năm 2017 đến năm 2021

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
CPI tháng 10 so với tháng trước	0,41	0,33	0,59	0,09	-0,20
CPI tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	2,98	3,89	2,24	2,47	1,77
CPI tháng 10 so với tháng 12 năm trước	2,25	3,54	2,79	0,09	1,67
CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	3,71	3,60	2,48	3,71	1,81

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 10/2021 tăng 1,77%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá.

Nhóm giao thông tăng cao nhất với 16,52% so với tháng 10/2020, chủ yếu do từ tháng 11/2020 đến nay giá xăng A95 tăng 9.390 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 9.010 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 7.500 đồng/lít. Theo đó, giá xăng dầu tăng 51,26% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,16% chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng và nguồn cung thuốc lá giảm.

Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,07% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 8,67% so với cùng kỳ năm trước, tăng theo giá nguyên vật liệu đầu vào.

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,14% do giá gạo tăng 4,25% so với cùng kỳ năm trước.

Ở chiều ngược lại, có 3 nhóm hàng giảm giá:

Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,9% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

Nhóm giáo dục giảm 2,16% do trong tháng 9 và tháng 10/2021, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương miễn giảm học phí năm học 2021-2022.

Nhóm văn hóa, giải trí, du lịch giảm 0,49% do giá du lịch trọn gói và giá khách sạn, nhà khách giảm khi chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19.

So với tháng 12/2020, CPI tháng Mười tăng 1,67%, trong đó có 8 nhóm hàng tăng giá và 3 nhóm hàng giảm giá (Nhóm giáo dục; nhóm bưu chính, viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm lần lượt 2,17%; 0,73% và 0,33%).

Trong các nhóm tăng giá:

- Nhóm giao thông tháng 10/2021 tăng cao nhất với 14,27% do giá xăng, dầu trong nước từ đầu năm đến nay đã điều chỉnh 18 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 7.860 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 7.600 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 6.340 đồng/lít. Theo đó, giá xăng dầu tăng 43,92% so với tháng 12 năm trước.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,5% chủ yếu do nhu cầu lương thực, thực phẩm tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán và trong tháng 7, tháng 8/2021 do tác động của dịch Covid-19.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,96% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, trong những tháng hè có thời tiết nắng nóng kéo dài và nguồn cung thuốc lá giảm.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2021

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2021 tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 10 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

1. Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 10 tháng năm 2021

- Trong 10 tháng năm nay, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 18 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 7.860 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 7.600 đồng/lít và giá dầu diezen tăng 6.340 đồng/lít. So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân 10 tháng tăng 27,23%, làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong 10 tháng năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 8 đợt và giảm 2 đợt, bình quân 10 tháng giá gas tăng 23,81% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục 10 tháng tăng 3,09% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Tết Nguyên đán và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội làm cho giá gạo 10 tháng năm 2021 tăng 6,24% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm).

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 10 tháng năm nay tăng 6,53% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm.

2. Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 10 tháng năm 2021

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI, có một số nguyên nhân làm giảm CPI 10 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Giá các mặt hàng thực phẩm 10 tháng giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,09 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 8,45%; giá thịt gà giảm 0,74%.

- Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19, trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ

tháng 5/2020), quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Do đó, giá điện sinh hoạt bình quân 10 tháng năm 2021 giảm 1,19% so với cùng kỳ năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm.

- Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay 10 tháng giảm 21,88% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,54%.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản⁵ tháng 10/2021 giảm 0,17% so với tháng trước, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Bình quân 10 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,84% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,81%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản tháng Mười và 10 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011.

Lạm phát cơ bản tháng 10 và 10 tháng từ năm 2017 đến năm 2021

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với tháng trước	0,06	0,13	0,15	0,07	-0,17
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	1,32	1,67	1,99	1,88	0,50
Lạm phát cơ bản 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	1,44	1,43	1,92	2,52	0,84

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁵ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.